

## HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH số 157-CP ngày 1-9-1976**  
về việc quản lý, sử dụng con dấu  
trong các cơ quan, xí nghiệp và tổ  
chức xã hội.

### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào nghị quyết ngày 2 tháng 7 năm  
1976 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ  
nghĩa Việt-nam khóa VI, kỳ họp thứ nhất về

lò chức và hoạt động của Nhà nước trong khi  
chưa có Hiến pháp mới ;

Để đưa việc quản lý, sử dụng con dấu trong các  
cơ quan, xí nghiệp và tổ chức xã hội vào nề nếp ;  
Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

### QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Việc quản lý và sử dụng con dấu  
trong các cơ quan, xí nghiệp và tổ chức xã hội  
được thi hành thống nhất trong cả nước theo  
nghị định số 56-CP ngày 17-3-1966 của Hội đồng  
Chính phủ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa<sup>(1)</sup>.

(1) Trích nghị định số 56-CP ngày 17-3-1966, in trong Công báo 1966 - số 7 - trang 115.

Điều 1. — Con dấu sử dụng trong các cơ quan, xí nghiệp và tổ chức xã hội phải được quản lý  
thống nhất theo những quy định ở các điều dưới đây.

Điều 2. — Con dấu của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tòa án nhân dân các cấp,  
Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Hội đồng Chính phủ, Phủ thủ tướng, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ  
quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Ủy ban hành chính các cấp đều có hình quốc huy ở giữa.

Điều 3. — Đề tiện cho việc quản lý, Bộ Công an quy định cụ thể hình thê, khuôn khổ và nội  
dung con dấu nói ở điều 2 trên đây, và con dấu của các cơ quan, xí nghiệp, tổ chức xã hội dưới đây  
thuộc diện được sử dụng con dấu :

— Các cơ quan chuyên môn từ cấp huyện trở lên được tổ chức thành đơn vị công tác riêng, được  
giao quyền nhân danh mình mà quản lý, chỉ đạo công tác, giao dịch để giải quyết công việc với các  
cơ quan, xí nghiệp, tổ chức xã hội và nhân dân ;

— Các tổ chức, đơn vị công tác trực thuộc hai loại cơ quan nói trên, trong khi làm nhiệm vụ công  
tác, được nhân danh mình giao dịch và liên hệ thường xuyên với các cơ quan, xí nghiệp, tổ chức xã hội  
và nhân dân (trường học, bệnh viện, ban chống bão lụt, trạm, trại thí nghiệm...) hoặc làm nhiệm vụ  
kiểm soát mà được ủy quyền chứng nhận, lập biên bản, thu tiền, phát biên lai, v.v... (đồn, trạm công an,  
thuế vụ, hải quan...);

— Các cơ sở sản xuất, kinh doanh của Nhà nước ;

— Các tổ chức xã hội được chính thức thành lập theo luật lệ của Nhà nước.

Điều 4. — Các chính đảng và các đoàn thể nhân dân ở trong Mặt trận Tổ quốc Việt-nam quy định  
hình thê, khuôn khổ, nội dung con dấu của các cơ quan trong hệ thống tổ chức của mình sau khi đã  
được sự thỏa thuận của Bộ Công an.

Điều 5. — Việc quản lý con dấu (bao gồm việc cho phép sử dụng, kiểm tra, thu hồi con dấu) quy  
định như sau :

— Thủ trưởng các Bộ, các cơ quan trung ương, Ủy ban hành chính khu tự trị quản lý con dấu  
của cơ quan mình, của các cơ quan, các tổ chức và đơn vị công tác, các cơ sở sản xuất, kinh doanh,  
trực thuộc mình quản lý ;

— Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý con dấu của cơ quan mình  
của các Ủy ban hành chính huyện, thị xã, khu phố, thành phố thuộc tỉnh, xã, thị trấn, của các cơ quan  
chuyên môn xung quanh tỉnh, thành phố, huyện, thị xã, khu phố, thành phố thuộc tỉnh, của các đơn vị  
công tác, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trực thuộc mình quản lý ;

— Ủy ban hành chính huyện, thị xã, khu phố, thành phố thuộc tỉnh quản lý con dấu của các cơ sở  
sản xuất, kinh doanh của Nhà nước trực thuộc mình quản lý, của các hợp tác xã, của các tổ chức văn  
hóa, xã hội của nhân dân trong địa phương mình.

Điều 6. — Tất cả các con dấu của các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước, các chính đảng, các đoàn thể  
nhân dân, các hợp tác xã và tổ chức văn hóa, xã hội của nhân dân đều phải đăng ký lưu chiểu tại cơ  
quan công an trước khi sử dụng, theo quy định cụ thể của Bộ Công an.

Điều 7. — Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sản xuất và kinh doanh có trách nhiệm bảo đảm việc sử  
dụng con dấu của cơ quan, đơn vị mình theo những quy định dưới đây :

— Mỗi cơ quan, đơn vị chỉ được dùng một con dấu. Cơ quan, đơn vị nào cần có thêm con dấu để sử  
dụng trong những trường hợp đặc biệt thì phải được cấp có thẩm quyền cho phép như nói ở điều 5 trên đây ;

— Chỉ được đóng dấu lên những công văn, giấy tờ sau khi đã có chữ ký của cán bộ có thẩm quyền ;

— Con dấu của mỗi cơ quan, đơn vị phải được giao cho một cán bộ tin cậy, có tinh thần trách  
nhiệm cao để giữ và đóng dấu.

Điều 8. — Việc khắc các loại con dấu do Bộ Công an quản lý và quy định cụ thể.

Điều 9. — Những người làm dấu giả, dùng dấu giả, lấy cắp con dấu, lạm dụng con dấu sẽ bị xử  
lý theo pháp luật hiện hành.

Hà-nội, ngày 17 tháng 3 năm 1966

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

NGUYỄN DUY TRINH

**Điều 2.** — Ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành quyết định này.

**Điều 3.** — Các ông Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 1 tháng 9 năm 1976

T.M. Hội đồng Chính phủ  
K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng  
NGUYỄN DUY TRINH

## PHỦ THỦ TƯỚNG

**QUYẾT ĐỊNH số 163-BT ngày 3-9-1976**  
về việc hợp nhất xã Nam-dồng và xã Bắc-sơn, huyện Nam-ninh, tỉnh Hà-nam-ninh thành một xã lấy tên là xã Đồng-sơn.

BỘ TRƯỞNG  
CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG PHỦ THỦ TƯỚNG

Căn cứ vào quyết định số 214-CP ngày 21 tháng 11 năm 1970 của Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm cho Phó thủ tướng phê chuẩn việc phân vạch địa giới hành chính có liên quan đến các đơn vị hành chính xã và thị trấn;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà-nam-ninh;

Sau khi hỏi ý kiến của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** — Nay phê chuẩn việc hợp nhất xã Nam-dồng và xã Bắc-sơn, huyện Nam-ninh, tỉnh Hà-nam-ninh thành một xã lấy tên là xã Đồng-sơn thuộc huyện Nam-ninh cùng tỉnh.

**Điều 2.** — Ủy ban nhân dân tỉnh Hà-nam-ninh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 3 tháng 9 năm 1976

Bộ trưởng  
Chủ nhiệm Văn phòng Phủ thủ tướng  
PHẦN MỸ

## CÁC BỘ

### BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ số 14-TT/HCVX ngày 10-8-1976** quy định chế độ phụ cấp cho cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước khi đi công tác ở trong nước (công tác phí).

Trong tình hình mới, chế độ phụ cấp cho cán bộ, công nhân, viên chức khi đi công tác ở trong nước (gọi tắt là công tác phí) quy định tại thông tư số 4-TT/HCVX ngày 6-1-1968 của Bộ Tài chính cần được sửa đổi, bổ sung, nhằm tạo điều kiện cho công nhân, viên chức được cử đi công tác nâng cao được hiệu suất công tác, hoàn thành nhiệm vụ với mức chi phí hợp lý, tiết kiệm.

Sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Lao động, Ban tổ chức trung ương và Tổng công đoàn Việt-nam, Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí mới như sau.

## PHẦN I

### CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC PHÍ

#### A. Ý NGHĨA, MỤC ĐÍCH, NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Công tác phí là một khoản phụ cấp cho công nhân, viên chức khi đi công tác ở trong nước, để:

— Trả tiền cước chuyên chở bản thân và hành lý cần thiết mang theo phục vụ công tác;

— Bù đắp một phần hợp lý các khoản chi phí về ăn, uống, nghỉ trọ trên đường đi và ở nơi đến công tác.